



jiāo huǒ

交火

verb · exchange fire, skirmish

Example Sentences

shuāng fāng zài biān jìng jiāo huǒ
双 方 在 边 境 交 火。

The two sides exchanged fire at the border.

nà cì jiāo huǒ chí xù le zhěng zhěng yí yè
那 次 交 火 持 续 了 整 整 一 夜。

That skirmish lasted the entire night.

Trace each character, then write the word on your own.

交	交	交	交	交	交	交	交	交											
火	火	火	火	火	火	火													